TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học;

Ông Võ Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Kiều T, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp H, xã TĐ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2019, bản tự khai ngày 24/10/2019 nguyên đơn chị Đỗ Kiều T trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn B tìm hiểu và thành hôn năm 2012, có tổ chức đám cưới, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã TĐ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Sau khi cưới chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B thường hay đi nhậu về đánh đập chị nhiều lần nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy anh B không thay đổi được tánh tình nên chị T yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Như H, sinh ngày 10/3/2015 (Giới tính: Nữ), hiện nay sống chung với chị T.

Khi ly hôn chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/10/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh B và chị T tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ vào năm 2015. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Như H, sinh ngày 10/3/2015 (Giới tính: Nữ), hiện nay sống chung với chị T.

Khi ly hôn tôi đồng ý để vợ trực tiếp nuôi con, không cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Đỗ Kiều T và bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị Đỗ Kiều T và anh Nguyễn Văn B thành hôn, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện N, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 Quyển số 01/2015 ngày 24/11/2015 của Ủy ban nhân dân xã TĐ, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Quá trình chung sống anh chị có những bất hòa không hàn gắn được, chị T cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung, anh B uống rượu về nhà đánh đập vợ con, khuyên ngăn không được nên anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn, chị T yêu cầu ly hôn.

Thấy rằng, mâu thuẫn xảy ra anh chị không có biện pháp hàn gắn, anh B không thay đổi nên anh chị sống ly thân một thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời chị T xác định hết tình cảm với anh B và kiên quyết xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn. Do các đương sự vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn mà cho các đương sự ly hôn là phù hợp, chị T được ly hôn với anh B.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Như H, sinh ngày 10/3/2015 (Giới tính: Nữ), hiện nay sống chung với chị

T. Hai đương sự thống nhất giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, thấy rằng: Cháu H chưa được 07 tuổi nên không làm việc trực tiếp với cháu, nhưng từ khi anh chị sống ly thân cháu H sống chung với chị T được chị chăm sóc tốt, nên giao cho chị tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng chị T phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Kiều T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Chị Đỗ Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Như H, sinh ngày 10/03/2015 (nữ).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng chị T phải chịu, chị có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0006902 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND ND xã TĐ, huyện N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính